

Bản án số: **296/2023/HNGĐ-ST**

Ngày: 26 - 9 - 2023

V/v: Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Hữu San

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Dương Thị Ninh

2. Ông Hoàng Văn Bốn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 26 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa vụ án thụ lý số 347/2022/TLST-HNGĐ, ngày 04/11/2022 về việc: Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26/7/2023. Các Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 25/8/2023 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2023/QĐST – HNGĐ, ngày 15/9/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn 31, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

2. Bị đơn: Anh Triệu Văn L (tên gọi khác: Triệu Đức L), sinh năm 1981.

Địa chỉ: Thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Triệu Ngọc X, sinh năm 1954.

3.2. Bà Phòng Thị N, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

3.3. Ông Phòng Văn M, sinh năm 1960.

3.4. Bà La Thị V, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Thôn 2 X, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

3.5. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Tổ dân phố Cống Đồi, thị trấn Tân Yên, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thành Th; chức vụ: Chi cục trưởng.
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Minh H; chức vụ: Phó Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

(Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên có mặt; bị đơn anh Triệu Văn L vắng mặt không có lý do; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Ngọc X, bà Phòng Thị N, ông Phòng Văn M, bà La Thị V có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung Đơn khởi kiện, Bản tự khai và các Biên bản hòa giải, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:*

Chị và anh Triệu Văn L trước đây là vợ chồng hợp pháp của nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị và anh Triệu Văn L đã ly hôn với nhau theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 213/2021/QĐST – HNGĐ, ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình giải quyết ly hôn, chị và anh Triệu Văn L cùng xác định quá trình chung sống anh chị có một số tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản khi ly hôn mà sẽ tự thỏa thuận phân chia với nhau. Tuy nhiên, sau khi ly hôn xong anh L không nhất trí thỏa thuận phân chia tài sản chung với chị. Do đó chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia tài sản giữa chị và anh Triệu Văn L, tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của chị và anh Triệu Văn L gồm có:

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Dream mua năm 2011, đăng ký tên Nguyễn Thị H, trị giá hiện tại khoảng 5.000.000đ.

- 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA mua năm 2016, đăng ký xe mang tên anh Triệu Văn L, trị giá xe hiện tại khoảng 5.000.000đ.

Đối với 02 xe máy trên chị yêu cầu được sử dụng chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA Dream và giao cho anh Luận sử dụng chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA.

- 657m² đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu số BX255320, ngày 19/12/2017 mang tên Triệu Văn L và Nguyễn Thị Hanh, địa chỉ đất tại thôn 2 T, xã X, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Giá trị của thửa đất trên khoảng 100.000.000đ. Trên thửa đất trên có 01 nhà gỗ xây dựng năm 2006 và các công trình phụ trợ khác trị giá khoảng 20.000.000đ.

Chị đề nghị chia ½ diện tích đất trống chưa xây dựng; giao cho anh Triệu Văn L quản lý, sử dụng ½ diện tích đất còn lại và toàn bộ các tài sản trên đất. Anh L có nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà và các tài sản khác trên đất cho chị theo quy định của pháp luật.

- Khoảng 10.000m² đất rừng sản xuất tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện Hàm Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Triệu Văn L và Nguyễn Thị H. Nguồn gốc đất trên là do bố mẹ đẻ anh Luận là ông Triệu Ngọc X và bà Phòng Thị N tặng cho (không có giấy

tờ). Trên đất trồng 1.500 cây Keo được khoảng 03 năm tuổi. Trị giá cây và đất khoảng 30.000.000đ. Chị đề nghị chia đôi mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị, giao cho anh L quản lý, sử dụng diện tích đất và cây nói trên. Ngoài ra còn có khoảng 300 cây keo trồng được khoảng 3 năm tuổi trồng nhờ trên đất mượn của bố mẹ anh L là ông Triệu Ngọc X và bà Phòng Thị N.

- Phần diện tích đất rừng sản xuất chị và anh Triệu Văn L nhận chuyển nhượng của ông Phòng Văn M và bà La Thị V tại thôn 2 X, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang vào năm 2020 (chị không xác định được diện tích cụ thể) trên đất hiện trồng cây Keo được khoảng 02 năm tuổi, trị giá cây và đất khoảng 20.000.000đ. Chị đề nghị chia đôi mỗi người sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích đất và tài sản trên đất nêu trên.

- Các vật dụng trong gia đình gồm:

+ 01 Tivi nhãn hiệu LG 49 inch mua năm 2018 + Đầu đĩa, âm ly, cục trầm trị giá khoảng 6.000.000đ.

+ 01 tủ lạnh mua năm 2012 trị giá khoảng 1.000.000đ.

+ 01 máy giặt nhãn hiệu AQUAS mua năm 2013 trị giá khoảng 1.000.000đ.

+ 01 máy lọc nước mua năm 2017 trị giá khoảng 1.000.000đ.

+ 01 bộ bàn ghế gỗ mua năm 2015 trị giá khoảng 3.000.000đ.

+ 01 kệ tivi mua năm 2018 trị giá khoảng 3.000.000đ.

+ 01 tủ nhựa mua năm 2018 trị giá khoảng 1.000.000đ.

+ 01 bồn nước nhãn hiệu SƠN HÀ mua năm 2016 trị giá 1.000.000đ.

+ 01 máy bơm nước mua năm 2016 trị giá 1.000.000đ.

Đối với các vật dụng trong gia đình chị yêu cầu được sử dụng: 01 Tivi nhãn hiệu LG 49 inch mua năm 2018 + Đầu đĩa, âm ly, cục trầm; 01 kệ ti vi; 01 tủ nhựa; 01 máy lọc nước. Các tài sản khác sinh hoạt trong gia đình chị nhất trí để lại cho anh Triệu Văn L sử dụng. Chị và anh Triệu Văn L không phải thanh toán cho nhau tiền chênh lệch về tài sản sinh hoạt trong gia đình.

Tổng giá trị tài sản trong thời kỳ hôn nhân của chị và anh Triệu Văn L là 198.000.000đ (Một trăm tám mươi tám triệu đồng). Chị đề nghị được chia $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là 99.000.000đ (*Chín mươi chín triệu đồng*). Ngoài các tài sản trên chị xác định giữa chị và anh Triệu Văn L không còn tài sản chung nào khác.

** Trong Biên bản lấy lời khai ngày 08/12/2022 bị đơn anh Triệu Văn L trình bày:*

Trong thời kỳ hôn nhân, giữa anh và chị Nguyễn Thị H có các tài sản chung, gồm:

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Dream mua năm 2011, đăng ký tên chị Nguyễn Thị H, trị giá hiện tại khoảng 5.000.000đ.

- 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA mua năm 2016, đăng ký xe mang tên Triệu Văn L, trị giá xe hiện tại khoảng 5.000.000đ.

- 657m² đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu số BX255320, ngày 19/12/2017 mang tên Triệu Văn L và Nguyễn Thị H, địa chỉ đất tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Trên thửa đất trên có 01 nhà gỗ xây dựng năm 2006 và các công trình phụ trợ khác. Giá trị nhà và đất như thế nào anh không rõ.

- Diện tích đất rừng sản xuất tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang do bố mẹ tôi là ông Triệu Ngọc X và bà Phòng Thị N tặng cho (không có giấy tờ) trên đất trồng 1.500 cây Keo được khoảng 03 năm tuổi. Trị giá cây và đất như thế nào thì anh không rõ.

- Các vật dụng trong gia đình gồm:

+ 01 Tivi nhãn hiệu LG 49 inch mua năm 2018 + Đầu đĩa, âm ly, cục trầm trị giá khoảng 6.000.000đ.

+ 01 tủ lạnh mua năm 2012 trị giá khoảng 1.000.000đ.

+ 01 máy giặt nhãn hiệu AQUAS mua năm 2013 trị giá khoảng 1.000.000đ.

+ 01 máy lọc nước mua năm 2017 trị giá khoảng 1.000.000đ.

+ 01 bộ bàn ghế gỗ mua năm 2015 trị giá khoảng 3.000.000đ.

+ 01 kệ tivi mua năm 2018 trị giá khoảng 3.000.000đ.

+ 01 tủ nhựa mua năm 2018 trị giá khoảng 1.000.000đ.

+ 01 bồn nước nhãn hiệu SƠN HÀ mua năm 2016 trị giá 1.000.000đ.

+ 01 máy bơm nước mua năm 2016 trị giá 1.000.000đ.

Đối với diện tích đất rừng sản xuất tại thôn 2 X, xã X, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mà chị H cho rằng anh và chị H nhận chuyển nhượng của ông Phòng Văn M và bà La Thị V là không đúng mà chỉ là do ông M, bà V cho anh và chị H mượn để trồng cây, hiện nay trên đất có khoảng vài trăm cây Keo được khoảng 02 năm tuổi, giá trị như thế nào thì anh không rõ. Anh nhất trí phân chia tài sản chung với chị H nhưng đề nghị được thỏa thuận với chị H để phân chia tài sản chung.

** Trong biên bản lấy lời khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Ngọc X, bà Phòng Thị N trình bày:*

Ông, bà là bố mẹ đẻ của anh Triệu Văn L, chị Nguyễn Thị H trước đây là vợ của anh Triệu Văn L, là con dâu của ông, bà. Năm 2004, anh Triệu Văn L và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng anh L, chị H về chung sống cùng nhà với gia đình ông bà một thời gian, sau đó do gia đình đông người nên vợ chồng ông bà cho vợ chồng anh Luận ra ở riêng trên phần diện tích đất ở hiện nay tại thôn 2 T, xã X. Trước khi vợ chồng anh L, chị H ra ở riêng, làm nhà trên đất thì ông bà đã sử dụng ổn định diện tích đất này từ năm 1979 để trồng cây Cọ, sau đó chuyển sang trồng mía nhưng vợ chồng ông bà cũng chưa có bất kỳ giấy tờ gì để chứng minh quyền sử dụng đất đối với thửa đất đó. Khi vợ chồng anh L, chị ra ở riêng thì vợ chồng ông bà cũng chỉ tặng cho đất bằng miệng chứ không làm văn bản, giấy tờ gì. Khi tặng cho đất thì ông bà có nói với vợ chồng anh L, chị H là ông bà cho anh L, chị H 15m đất chiều rộng bám mặt đường tính từ mép tường rào ranh giới đất nhà ông Hoàng Văn Đ, bà Hoàng Thị S kéo sang phần đất còn lại của gia đình ông bà (diện tích đất còn lại ông bà cũng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), chiều sâu hết thửa đất, phần đất phía sau cũng rộng 15m tính từ mép tường rào nhà ông bà Đ – S, vuông vắn với chiều rộng phía trước. Sau khi được ông bà cho đất thì vợ chồng anh L, chị H đã sử dụng ổn định diện tích đất này để làm nhà ở, không có bất kỳ tranh chấp gì. Sau đó anh L, chị H thực hiện thủ tục kê khai, xin cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất cụ thể như thế nào thì ông bà không rõ. Tuy nhiên, ông bà cũng xác định mình chỉ cho vợ chồng anh L, chị H 15m đất chiều rộng tám mét đường, chiều sâu hết thửa đất, chiều rộng phía sau cũng là 15m, phần diện tích đất ông bà cho anh L, chị H là vuông vắn. Quá trình sử dụng đất do là bố mẹ và con trong gia đình nên anh L, chị H có trồng một số cây ăn quả trên đất của ông bà nhưng anh L, chị H cũng cam kết là khi nào ông bà có nhu cầu sử dụng đất thì sẽ trả lại, không có tranh chấp gì. Ông bà xác định mình đã cho các con diện tích đất trên để làm nhà, các con của ông bà đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên diện tích đất trên là tài sản chung của anh L, chị H, ông bà không có ý kiến gì.

Ngoài cho anh L, chị H diện tích đất làm nhà ở tại thôn 2 T, xã X hiện nay, vợ chồng ông bà còn tặng cho vợ chồng anh L, chị H một phần diện tích đất rừng sản xuất tại khu vực đồi Tát Thoong thuộc thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Tại thời điểm tặng cho thì ông bà cũng không có giấy tờ gì để chứng minh quyền sử dụng đối với diện tích đất đó. Hiện nay, anh L, chị H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh L, chị H nên đó cũng là tài sản chung của anh L, chị H, không liên quan gì đến ông bà do đó ông bà đề nghị Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung giữa chị H và anh L theo quy định của pháp luật.

Ngoài hai diện tích đất trên thì ông bà còn cho anh L, chị H mượn 1.803,6m² đất rừng sản xuất để trồng cây Keo tại khu vực đồi Tát Thoong thuộc thôn 2 T, xã X, huyện Y (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án). Diện tích đất này ông bà chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã sử dụng ổn định từ năm 1979 để trồng Cọ, sau khi không trồng Cọ nữa thì ông bà cho vợ chồng anh L, chị H mượn để trồng cây Keo. Nay anh L, chị H thực hiện việc phân chia tài sản thì ông bà yêu cầu anh L, chị H có nghĩa vụ khai thác toàn bộ các cây trồng trên đất để trả lại diện tích đất trên cho ông bà sử dụng. Thời hạn khai thác cây chậm nhất là ngày 31/12/2023.

** Trong biên bản lấy lời khai và Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phòng Văn M, bà La Thị V trình bày:*

Ông Phòng Văn M là em trai ruột của bà Phòng Thị N, là cậu ruột của anh Triệu Văn L. Vào năm 2020, ông bà có chuyển nhượng cho anh Triệu Văn L, chị Nguyễn Thị H (khi đó là vợ chồng) khoảng 1ha đất rừng sản xuất tại khu vực khe Cốc Có thuộc thôn 2 X, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất chuyển nhượng nằm sát đất có nhà ở của vợ chồng ông bà. Nguồn gốc đất ông bà chuyển nhượng cho anh L, chị H là do ông bà tự khai phá, sử dụng ổn định từ năm 2006 nhưng chưa làm thủ tục kê khai, xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi chuyển nhượng thì hai bên chỉ lập giấy tờ mua bán viết tay với nhau, giá chuyển nhượng là 8.000.000đ (Tám triệu đồng). Ông bà đã nhận đủ tiền và bàn giao đất cho anh L, chị H sử dụng. Hiện nay, trên diện tích đất này anh L, chị H đang trồng cây Keo được khoảng hơn 02 năm tuổi. Kể từ khi chuyển nhượng đất đến nay thì chị H và anh L đã sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp gì, thực tế đã thuộc quyền quản lý, sử dụng của chị H, anh L. Bản thân ông bà cũng nhất trí tiếp tục thực hiện hợp

đồng chuyển nhượng diện tích đất trên cho anh L, chị H. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên trình bày:*

Căn cứ Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 213/2021/QĐ-HNGĐ ngày 08/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Triệu Văn L; căn cứ đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành chị Nguyễn Thị H, ngày 11/5/2022, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên đã ban hành Quyết định Thi hành án số 345/QĐ-CCTHADS cho thi hành đối với anh Triệu Văn L (tên gọi khác Triệu Đức L) khoản phải thi hành án: Khoản tiền anh Triệu Văn L thực hiện vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho cháu Triệu Thị Tuyết, sinh ngày 25/12/2005 và cháu Triệu Đức Lâm, sinh năm 28/9/2007, đến khi các cháu đủ 18 tuổi, mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng (*Một triệu đồng*)/01 con/tháng. Tổng số tiền anh Triệu Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000 đồng/02 con/tháng. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 11/2021 đến tháng 9 năm 2022. Không yêu cầu phân lãi suất chậm thi hành án.

Qua quá trình xác minh điều kiện thi hành án Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên xác định anh Triệu Văn L có tài sản chung với chị Nguyễn Thị H là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00, diện tích đất 657 m² (trong đó 140 m² đất ở tại nông thôn và 517 m² đất trồng cây hàng năm), địa chỉ thửa đất: Thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất đã Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 255230, số vào sổ CGN: CH 02514, ngày 19/12/2017 cấp cho ông Triệu Văn L và bà Nguyễn Thị H và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà bằng gỗ tạp, dạng nhà ống, mái lợp lá cọ, vách tooc xi, nền láng xi măng, nhà đã cũ. Hiện anh Triệu Văn L đang quản lý, sử dụng nhà và đất nêu trên. Để tránh việc anh Triệu Văn L tẩu tán tài sản nêu trên để trốn tránh nghĩa vụ thi hành án, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên đã ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản số 04/QĐ-CCTHADS ngày 30/5/2022, đối với tài sản là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00, diện tích đất 657 m² (trong đó 140 m² đất ở tại nông thôn và 517 m² đất trồng cây hàng năm), địa chỉ thửa đất: Thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Diện tích đất đã Ủy ban nhân dân huyện Hàm Yên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 255230, số vào sổ CGN: CH 02514, ngày 19/12/2017 cấp cho ông Triệu Văn L và bà Nguyễn Thị H và tài sản gắn liền với đất.

Trong quá trình giải quyết việc thi hành án Nguyễn Thị H trình bày đang khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản chung sau ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên. Căn cứ khoản 1 Điều 23, điểm d, khoản 1, Điều 48 Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự huyện ra Quyết định về việc hoãn thi hành án số 01/QĐ-CCTHADS ngày 17/11/2022 để chờ kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên để Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên có căn cứ tiếp tục tổ chức thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với Triệu

Văn L và đề nghị Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 đã bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân với anh Triệu Văn L. Chị xác định các tài sản chung giữa chị và anh Triệu Văn L gồm có:

1. Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 tại thôn 2 T, xã X, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/12/2017 mang tên Triệu Văn L, Nguyễn Thị H, diện tích qua đo đạc thực tế là 660,8m² trên đất có ngôi nhà gỗ và các công trình kiến trúc, cây trồng theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án.

2. Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 00 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BX255212, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH02508, ngày 31/10/2017 mang tên Triệu Văn L và Nguyễn Thị H. Địa chỉ đất tại khu vực đồi Tát Thoong thuộc thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Qua đo đạc thực tế thửa đất trên có diện tích 3.742,3m², trên đất có trồng 300 cây Keo đường kính thân từ 5cm đến dưới 10cm.

3. 7.421,7m² đất rừng sản xuất tại khu vực đồi Cốc Có thuộc thôn 2 X, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang do nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phòng Văn M và bà La Thị V vào năm 2020 (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trên đất có 700 cây Keo, bao gồm 500 cây Keo có đường kính thân từ 05cm đến dưới 10cm và 200 cây Keo có đường kính thân từ 10cm đến dưới 20cm.

4. 400 cây Keo có đường kính thân từ 10cm đến dưới 20cm trên diện tích 1.803,6m² đất rừng sản xuất mượn của ông Triệu Ngọc X và bà Phòng Thị N tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

5. Các vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Dream dung tích 97cc, biển kiểm soát 22Y1 – 028.81 đăng ký xe mang tên Triệu Văn L; 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, dung tích 125cc, biển kiểm soát 22Y1 – 140.06 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H cùng các vật dụng sinh hoạt khác trong gia đình theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2023.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H nhất trí với giá trị các tài sản đã được định giá theo Biên bản định giá tài sản ngày 21/7/2023 và đề nghị Tòa án chia cho mình được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản:

- Diện tích đất có chiều rộng tám mươi mét đường = 07m, diện tích 296,6m² (gồm đất ở và đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (phần đất chưa xây dựng nhà ở) đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Triệu Văn L và Nguyễn Thị H vào ngày 19/12/2017, cùng toàn bộ các vật kiến trúc, cây trồng trên phần đất yêu cầu được phân chia.

- 7.421,7m² đất rừng sản xuất tại khu vực đồi Cốc Có thuộc thôn 2 X, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang do nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phòng Văn M và bà La Thị V vào năm 2020 (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Trên đất có 700 cây Keo theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2023 của Tòa án.

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Dream, biển kiểm soát 22Y1 – 028.81, đăng ký xe mang tên Triệu Văn L (hiện tại chị H đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe máy trên).

- 01 tủ nhựa đựng quần áo và 01 tủ gỗ Xoan (Kệ tivi) theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/4/20233 của Tòa án.

Đề nghị giao cho bị đơn anh Triệu Văn L được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản:

- Diện tích đất có chiều rộng tám mét đường = 08m, diện tích 364,2m² (gồm đất ở và đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (thửa đất có nhà ở) đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Triệu Văn L và Nguyễn Thị H vào ngày 19/12/2017, cùng toàn bộ các vật kiến trúc, cây trồng có trên phần đất chia cho anh Triệu Văn L.

- Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 00 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BX255212, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH02508, ngày 31/10/2017 mang tên Triệu Văn L và Nguyễn Thị H. Địa chỉ đất tại khu vực đồi Tát Thoong thuộc thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Qua đo đạc thực tế có diện tích 3.742,3m² và các cây trồng trên đất theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án.

- 400 cây Keo có đường kính thân từ 10cm đến dưới 20cm trên diện tích 1.803,6m² đất rừng sản xuất mượn của ông Triệu Ngọc X và bà Phòng Thị N tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, dung tích 125cc, biển kiểm soát 22Y1 – 140.06 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H.

- Các vật dụng trong gia đình gồm:

+ 01 Máy giặt nhãn hiệu Aqua loại 8kg mua mới năm 2017.

+ 01 Máy lọc nước nhãn hiệu PIKN, trọng tải 2,2kg.

+ 01 Bồn chứa nước nhãn hiệu SONHA, loại 1000L, mua mới năm 2016.

+ 01 Máy bơm nước mua mới năm 2018.

+ 01 Tủ lạnh Panasonic 02 cánh, loại 152L, mua mới năm 2019.

+ 01 Tivi LG 49 in, mua mới năm 2019.

+ 01 Bộ bàn ghế xoan (01 ghế dài, 02 ghế ngắn, 01 bàn kính), đóng mới năm 2018.

+ 01 Cục trầm (loa) được cho mới năm 2018.

Đối với thửa đất có nhà ở tại thôn 2 T và các tài sản trên đất thì ai sử dụng phần đất nào thì được sử dụng vật kiến trúc, cây trồng trên phần diện tích đất đó; đối với 02 xe máy và các vật dụng trong gia đình thì ai được phân chia tài sản gì thì sử dụng tài sản đó, không phải trả lại tiền chênh lệch giá trị tài sản cho nhau. Còn đối với diện tích đất rừng sản xuất tại thôn 2 T và thôn 2 X và 400 cây Keo trồng trên phần đất mượn của ông Triệu Ngọc X và bà Phòng Thị N thì nguyên đơn yêu cầu tính giá chênh lệch, bên nào sử dụng tài sản có giá trị lớn hơn thì có nghĩa vụ trả tiền chênh lệch cho bên kia.

Tại phiên tòa, đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên giữ nguyên ý kiến trình bày trong bản tự khai. Đề nghị Tòa án giải quyết việc phân chia tài sản chung là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 tại thôn 2 T, xã X giữa chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn L đang bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện

Hàm Yên ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng:

1. Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 26, 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành xác minh, tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định.

2. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Ngọc X, bà Phòng Thị N, ông Phòng Văn M, bà La Thị V và đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Triệu Văn L chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

- Về nội dung vụ án: Qua xem xét các chứng cứ, tài liệu đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của các đương sự có căn cứ xác định các tài sản trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn L như chị H trình bày tại phiên tòa.

Đề nghị Hội đồng xét xử phân chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn L như sau:

* Chia cho chị Nguyễn Thị H được sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản gồm: Phần diện tích đất ký hiệu S2= 296,6m² thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 tại thôn 2 T, xã X cùng các vật kiến trúc, cây trồng trên phần diện tích S2 theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/9/2023; 7.421,7m² đất rừng sản xuất tại khu vực đồi Cốc Có thuộc thôn 2 X, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang do chị H, anh L nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phòng Văn M và bà La Thị V vào năm 2020 (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), cùng tài sản trên đất là 700 cây gỗ Keo theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2023; 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 22Y1 – 028.81, đăng ký xe mang tên Triệu Văn L (hiện tại chị H đang là người trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe máy trên); 01 tủ nhựa đựng quần áo có giá trị 1.050.000đ và 01 tủ gỗ Xoan (Kệ tivi) (theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/4/2023).

Tổng giá trị tài sản phân chia cho chị Nguyễn Thị H có giá trị là 134.365.000đ.

* Chia cho bị đơn anh Triệu Văn L được sở hữu, quản lý, sử dụng các tài sản, gồm: Phần diện tích đất ký hiệu S1 = 364,2m² (gồm đất ở và đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang cùng các vật kiến trúc, cây trồng trên phần diện tích S1 theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/9/2023; toàn bộ diện tích 3.742,3m² đất rừng sản xuất thuộc thửa đất số 02, tờ bản đồ số 00 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BX255212, số vào

sổ cấp Giấy chứng nhận số CH02508, ngày 31/10/2017 mang tên Triệu Văn L và Nguyễn Thị H. Địa chỉ đất tại khu vực đồi Tát Thoong thuộc thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang (theo kết quả đo đạc thực tế); 400 cây Keo có đường kính thân từ 10cm đến dưới 20cm trồng trên diện tích 1.803,6m² đất rừng sản xuất mượn của ông Triệu Ngọc X và bà Phòng Thị N tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang và các vật dụng trong gia đình gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, dung tích 125cc, biển kiểm soát 22Y1 – 140.06 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H, 01 Máy giặt nhãn hiệu Aqua loại 8kg, 01 Máy lọc nước nhãn hiệu PIKN, 01 Bồn chứa nước nhãn hiệu SONHA, loại 1000L, 01 Máy bơm nước, 01 Tủ lạnh Panasonic 02 cánh, loại 152L, 01 Tivi LG 49 in, 01 Bộ bàn ghế xoan, 01 Cục trầm (loa).

Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bên phải thực hiện việc thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản cho nhau đối với các tài sản là giá trị quyền sử dụng của 3.742,3m² đất rừng sản xuất và các tài sản trên đất (cây Keo) tại thôn 2 T; giá trị quyền sử dụng của 7.421,7m² đất rừng sản xuất tại thôn 2 X và các tài sản trên đất (cây Keo) và 400 cây Keo trồng trên 1.803,6m² đất rừng sản xuất mượn của ông Triệu Ngọc X và bà Phòng Thị N tại thôn 2 T theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Triệu Văn L mỗi người phải chịu ½ tiền chi phí tố tụng.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản mình được phân chia theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Kiểm sát viên còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự:

Chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản sau ly hôn với anh Triệu Văn L, do đó quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là tranh chấp hôn nhân và gia đình, cụ thể là “*Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Triệu Văn L có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Triệu Văn L mặc dù có mặt tại địa phương, đã được Tòa án thông báo và tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, sau khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ anh L đến tham gia phiên tòa nhiều lần, anh L đã trực tiếp nhận được các văn bản của Tòa án nhưng vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa không có lý do chính đáng. Như vậy, đây được xem là trường hợp người bị kiện không thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự nhằm trốn tránh nghĩa vụ của mình nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc chấp hành pháp luật và thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Triệu Ngọc X, bà Phòng Thị N, ông Phòng Văn M, bà La Thị V và đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Triệu Văn L chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình (vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

[3] Về nội dung vụ án:

3.1 Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, đã xác định được các tài sản chung và giá trị các tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn L gồm:

Tài sản thứ nhất: Thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/12/2017 mang tên Triệu Văn L, Nguyễn Thị H với diện tích 657m², diện tích qua đo đạc, thẩm định thực tế là 660,8m² (gồm 140m² đất ở và 520,8m² đất trồng cây lâu năm khác). Theo kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thì phần đất ở có giá trị 170.000đ/m² x 140m² = 23.800.000đ; phần đất trồng cây lâu năm khác có đơn giá 45.000đ/m² x 520,8m² = 23.436.000đ. Tổng giá trị quyền sử dụng của thửa đất là 47.236.000đ. Thửa đất trên đang bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên ra quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản theo Quyết định số 04/QĐ-CCTHADS ngày 30/5/2022 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của người thi hành án anh Triệu Văn L. Tài sản trên đất gồm:

** Các vật kiến trúc:*

- Nhà bán mái xây gạch, mái lợp Proximang xây dựng năm 2013, diện tích 16,1m², có giá trị = 2.436.603đ.

- Nhà cột gỗ, vách Toóc xi xây dựng năm 2006, diện tích 58,8m², có giá trị = 3.373.171 đồng.

- Nhà bán mái, tường xây gạch, lợp tôn xây dựng năm 2018, diện tích 13,6m², có giá trị = 8.936.773đ.

- Công trình phụ trợ (nhà bếp) kết cấu bằng gỗ, lợp lá cọ xây dựng năm 2006, diện tích 196 m², có giá trị = 247.156đ.

- Giếng nước đường kính 1,2m, thành xây gạch chỉ, sâu 12m, xây dựng năm 2006. Trị giá 249.288đ.

- Công trình phụ trợ xây gạch, lợp Proximang (nhà tắm) xây dựng năm 2006, diện tích 2,25 m². Trị giá 58.959 đồng.

- Hàng rào xây gạch xi măng không trát, xây dựng năm 2014. Diện tích 15,795 m². Trị giá 375.109 đồng.

Tổng giá trị vật kiến trúc trên thửa đất là 15.677.059đ.

** Các cây trồng trên thửa đất gồm:*

- 02 cây Mít đường kính thân từ 15cm đến dưới 30cm, có giá là: 255.000 đồng/cây: Trị giá = 02 cây x 255.000đồng = 510.000 đồng

- 01 cây Mít đường kính thân từ 2cm đến dưới 8cm, có giá trị là 45.000đ.
 - 03 cây Hồng xiêm đường kính thân từ 2cm đến dưới 9cm, có giá là: 120.000 đồng/cây: Trị giá: 03 cây x 120.000 đồng = 360.000đ.
 - 03 cây Bưởi có đường kính tán từ 1m đến dưới 2m, có giá là: 300.000 đồng/cây: Trị giá: 03 cây x 300.000đồng = 900.000 đồng
 - 09 cây Bưởi có đường kính tán từ 2m đến dưới 4m, có giá là: 353.000 đồng/cây: Trị giá: 09 cây x 353.000đồng = 3.177.000 đồng
 - 01 cây Bưởi có đường kính tán từ 4m đến dưới 5m, có giá là: 480.000đ.
 - 01 cây Sung có đường kính thân từ 20cm đến dưới 30cm, có giá là 61.000đ.
 - 02 cây Ngõa đường kính thân từ 05cm đến dưới 10cm, có giá là: 60.000 đồng/cây: Trị giá: 02 cây x 60.000 đồng= 120.000 đồng
 - 02 cây Chanh đường kính tán từ 1m đến dưới 3m, có giá là: 100.000 đồng/cây: 02 cây x 100.000 đồng= 200.000 đồng
- Tổng giá trị cây trồng trên đất: 5.853.000đ.
 Tổng giá trị tài sản thứ nhất là **68.766.059đ.**

Tài sản thứ hai: Thửa đất số 02, tờ bản đồ số 00 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BX255212, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận số CH02508, ngày 31/10/2017 mang tên Triệu Văn L và Nguyễn Thị H. Địa chỉ đất tại khu vực đồi Tát Thoong thuộc thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang với diện tích 10.000m². Theo kết quả thẩm định, đo đạc thực tế thửa đất trên có diện tích 3.742,3m², giá trị 48.661.600đ. Tài sản trên đất gồm 300 cây Keo có giá trị 1.800.000đ. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là **50.461.600đ.**

Tài sản thứ ba: 400 cây Keo có đường kính thân từ 10cm đến dưới 20cm trên diện tích 1.803,6m² đất rừng sản xuất mượn của ông Triệu Ngọc X và bà Phòng Thị N tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang có giá trị là **10.160.000đ.**

Tài sản thứ tư: 7.421,7m² đất rừng sản xuất tại khu vực đồi Cốc Có thuộc thôn 2 X, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang do nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phòng Văn M và bà La Thị V vào năm 2020 (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đất có giá trị 89.060.400đ. Trên đất có 700 cây Keo có giá trị 8.080.000đ. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là **97.140.400đ.**

Tài sản thứ năm: Các vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm:

- 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Dream dung tích 97cc, biển kiểm soát 22Y1 – 028.81 đăng ký xe mang tên Triệu Văn L. Tại thời điểm thẩm định và định giá theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC thì tài sản có giá trị là 0 đồng. Hiện tại chị Nguyễn Thị H là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng.
- 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, dung tích 125cc, biển kiểm soát 22Y1 – 140.06 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H, hiện tại do anh Triệu Văn L đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Giá trị còn lại của tài sản là 12.332.000đ
- 01 Máy giặt nhãn hiệu Aqua lại 8kg mua mới năm 2017. Tại thời điểm thẩm định và định giá theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC thì tài sản có giá trị 0 đồng.
- 01 Máy lọc nước nhãn hiệu PIKN, trọng tải 2,2kg, Tại thời điểm thẩm định và định giá theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC thì tài sản có giá trị là 0 đồng.

- 01 Bồn chứa nước nhãn hiệu SONHA, loại 1000L, mua mới năm 2016 có giá trị còn lại là 400.000 đồng.
 - 01 Máy bơm nước mua mới năm 2018. Giá trị còn lại là 375.000đ.
 - 01 Tủ nhựa loại 03 cánh, 04 ngăn kéo, đóng thủ công mua mới năm 2019. Giá trị còn lại là 1.050.000 đ.
 - 01 Tủ lạnh Panasonic 02 cánh, loại 152L, mua mới năm 2019. Giá trị còn lại là 900.000 đồng.
 - 01 Tivi LG 49 in, mua mới năm 2019. Giá trị còn lại là 1.600.000đ.
 - 01 Tủ gỗ xoan, rộng 0,96m x cao 2,32m, mua mới năm 2018. Giá trị còn lại là 1.200.000đ.
 - 01 bộ bàn ghế xoan (01 ghế dài, 02 ghế ngắn, 01 bàn kính), đóng mới năm 2018. Giá trị còn lại là 1.500.000 đồng.
 - 01 cục trầm (loa) được cho mới năm 2018. Tại thời điểm thẩm định và định giá theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC thì tài sản có giá trị là 0 đồng.
- Tổng giá trị còn lại của các vật dụng sinh hoạt trong gia đình (tài sản thứ năm) là **19.357.000đ.**

Tổng giá trị tài sản trong thời kỳ hôn nhân của chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn L là 245.885.059đ (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm tám mươi lăm nghìn không trăm năm mươi chín đồng*).

3.2. Về việc phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án về nguồn gốc hình thành khối tài sản chung và để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần phân chia tài sản cho các bên như sau:

Đối với tài sản thứ nhất, là thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên anh Triệu Văn L và chị Nguyễn Thị H. Thửa đất trên có nguồn gốc do bố mẹ đẻ anh L tặng cho, khi phân chia cần tính đến công sức đóng góp trong việc hình thành nên khối tài sản nên cần chia cho anh Triệu Văn L phần diện tích lớn hơn. Tại biên bản hòa giải thành ngày 24/7/2023, giữa anh Triệu Văn L và chị Nguyễn Thị H đã thỏa thuận phân chia thửa đất trên thành 02 phần, trong đó anh Triệu Văn L được sử dụng 08m đất chiều rộng tám mét đường, chị Nguyễn Thị H được sử dụng 07m đất chiều rộng tám mét đường. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ bổ sung để phân chia thửa đất thành 02 phần như nội dung trước đây các bên đã thỏa thuận. Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ cho thấy các vật kiến trúc xây dựng trên đất đều không kiên cố, việc phân chia không ảnh hưởng đến kết cấu của toàn bộ công trình. Do đó, để đảm bảo chỗ ở cho cả hai bên đương sự, Hội đồng xét xử phân chia thửa đất như sau:

* Chia cho anh Triệu Văn L được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích ký hiệu S1 trên sơ đồ đo vẽ kèm theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/9/2023. Phần diện tích đất trên có chiều rộng tám mét đường = 08m, tổng diện tích 364,2m², bao gồm 70m² đất ở và 294,2m² đất trồng cây lâu năm khác được giới hạn bởi các điểm 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 16 – 15 – 3 (trong đó bao gồm 40,8m² đất thuộc hành lang an toàn giao thông). Đất có giá trị 25.139.000đ. Anh Triệu Văn L được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gắn liền với phần đất được phân chia, gồm:

Vật kiến trúc:

- 01 nhà bán mái xây gạch, mái lợp Phi broximang, xây dựng năm 2013, diện tích $16,1\text{m}^2$ có giá trị 2.236.603đ.

- 01 nhà cột gỗ vách toocxi, xây dựng năm 2006, diện tích $58,8\text{m}^2$ có giá trị 3.373.171đ.

- Công trình phụ trợ (nhà bếp), xây dựng năm 2006, diện tích $12,6\text{m}^2$ có giá trị 158.886đ.

- $7,345\text{m}^2$ tường rào xây bằng gạch xi măng vào năm 2014 có giá trị 174.433đ.

Cây trồng:

- 01 cây Mít có đường kính thân từ 02cm đến dưới 08 cm có giá trị 45.000đ; 01 cây Mít có đường kính thân từ 15cm đến dưới 30cm có giá trị 255.000đ.

- 01 cây Nhãn có đường kính thân từ 08cm đến 15cm có giá 810.000đ.

- 02 cây Hồng Xiêm có đường kính thân từ 02cm đến dưới 09cm, có giá trị: $120.000\text{đ}/\text{cây} \times 02 \text{ cây} = 240.000\text{đ}$.

- 01 cây Bưởi có đường kính tán từ 4m đến dưới 5m có giá 480.000đ.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và các vật kiến trúc, cây trồng trên diện tích $364,2\text{m}^2$ chia cho anh Triệu Văn L là 32.912.093đ.

* Chia cho chị Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng phần diện tích ký hiệu S2 trên sơ đồ đo vẽ kèm theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/9/2023. Phần diện tích đất trên có chiều rộng tám mét đường = 07m, tổng diện tích $296,6\text{m}^2$, bao gồm 70m^2 đất ở và $226,6\text{m}^2$ đất trồng cây lâu năm khác được giới hạn bởi các điểm 1 – 2 – 3 – 15 – 16 – 11 – 12 – 13 – 14 – 1 (trong đó có $34,4\text{m}^2$ đất thuộc hàng lang giao thông). Diện tích đất trên có giá trị: 22.097.000đ. Chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu, quản lý các tài sản gắn liền với phần đất mình được phân chia, gồm:

Vật kiến trúc:

+ Nhà bán mái, tường xây gạch lợp tôn, xây dựng năm 2018 diện tích $13,6\text{m}^2$, giá trị: $13,6\text{m}^2 \times 948.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 66,65\% \times (\text{giá trị còn lại}) \times \text{hệ số } 1,04 = 8.936.773\text{đ}$.

+ Công trình phụ trợ, kết cấu bằng gỗ lợp lá cọ, xây dựng năm 2006 (nhà bếp) có diện tích 7m^2 , giá trị: $7\text{m}^2 \times 242.500\text{đ}/\text{m}^2 \times 5\% (\text{giá trị còn lại}) \times \text{hệ số } 1,04 = 88.270\text{đ}$.

+ 01 Giếng nước xây dựng năm 2006 có giá trị 249.288đ.

+ 01 Nhà tắm xây dựng năm 2006 có giá trị 58.959đ.

+ 01 đoạn tường rào xây gạch xi măng vào năm 2014, diện tích $8,45\text{m}^2$, giá trị: $8,45\text{m}^2 \times 228.352\text{đ}/\text{m}^2 \times 10\% (\text{giá trị còn lại}) \times \text{hệ số } 1,04 = 200.675\text{đ}$.

Cây trồng:

+ 08 cây Bưởi có đường kính tán lá từ 2m đến dưới 4m, giá trị: $08 \text{ cây} \times 353.000\text{đ}/\text{cây} = 2.824.000\text{đ}$.

+ 01 cây Mít có đường kính thân từ 15cm đến dưới 30cm, có giá trị 255.000đ.

+ 01 cây Sung có đường kính thân từ 20cm đến dưới 30cm có giá trị 61.000đ.

+ 01 cây Hồng Xiêm có đường kính thân từ 02cm đến dưới 09cm, có giá trị 120.000đ.

+ 01 cây Chanh có đường kính tán lá dưới 03m, giá trị 100.000đ.

+ 02 cây Ngõa có đường kính thân từ 06cm đến dưới 10cm có giá trị: 02 cây x 60.000đ/cây = 120.000đ.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và các vật kiến trúc, cây trồng trên phần diện tích đất 296,6m² chia cho chị Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng là 35.110.965đ theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản.

Đối với tài sản thứ hai, là thửa đất số 02, tờ bản đồ số 00 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BX255212, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH02508, ngày 31/10/2017 mang tên anh Triệu Văn L và chị Nguyễn Thị H với diện tích 10.000m² đất rừng sản xuất, tuy nhiên đo đạc thực tế diện tích thửa đất là 3.742,3m² có giá trị 48.661.600đ. Tài sản trên đất gồm 300 cây Keo có giá trị 1.800.000đ. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 50.461.600đ. Nguồn gốc thửa đất trên do anh L, chị H nhận tặng cho từ bố mẹ đẻ của anh L nên xét thấy cần giao toàn bộ diện tích đất này cho anh Triệu Văn L quản lý, sử dụng là phù hợp.

Đối với tài sản thứ ba, là 400 cây Keo có đường kính thân từ 10cm đến dưới 20cm chị Hanh, anh Luận trồng trên diện tích 1.803,6m² đất rừng sản xuất mượn của ông Triệu Ngọc X và bà Phòng Thị N tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, các cây Keo có giá trị là 10.160.000đ. Tài sản này cũng cần giao cho anh Triệu Văn L quản lý, sở hữu, sử dụng là phù hợp. Anh Triệu Văn L có nghĩa vụ khai thác các cây Keo để trả lại đất cho ông Triệu Ngọc X, bà Phòng Thị N sử dụng. Thời hạn khai thác chậm nhất là ngày 31/12/2023.

Đối với tài sản thứ tư, là 7.421,7m² đất rừng sản xuất tại khu vực đồi Cốc Có thuộc thôn 2 X, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang do chị Hanh, anh Luận nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phòng Văn M và bà La Thị V vào năm 2020 (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đất có giá trị 89.060.400đ. Trên đất có 700 cây Keo có giá trị 8.080.000đ. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 97.140.400đ. Để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao toàn bộ tài sản này cho chị H quản lý, sở hữu, sử dụng là phù hợp.

Đối với tài sản thứ năm, là các vật dụng trong gia đình, Hội đồng xét xử thấy rằng sau khi ly hôn chị H là người trực tiếp quản lý, sử dụng chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 22Y1 – 028.81 đăng ký xe mang tên Triệu Văn L. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị H đề nghị được tiếp tục sử dụng chiếc xe trên và đề nghị được sử dụng 01 chiếc tủ nhựa đựng quần áo có giá trị 1.050.000đ, 01 chiếc tủ gỗ Xoan có giá trị 1.200.000đ, xét thấy đề nghị phân chia tài sản là vật dụng trong gia đình trên của chị H là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Giá trị tài sản vật dụng trong gia đình chị H được phân chia sử dụng là 2.250.000đ.

Các vật dụng sinh hoạt còn lại trong gia đình chia cho anh Triệu Văn L gồm:

- 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, dung tích 125cc, biển kiểm soát 22Y1 – 140.06 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H, hiện tại do anh Triệu Văn L đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Giá trị còn lại của tài sản là 12.332.000đ

- 01 Máy giặt nhãn hiệu Aqua loại 8kg mua mới năm 2017. Tại thời điểm thẩm định và định giá theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC thì tài sản có giá trị là 0 đồng.

- 01 Máy lọc nước nhãn hiệu PIKN, trọng tải 2,2kg, Tại thời điểm thẩm định và định giá theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC thì tài sản có giá trị là 0 đồng.

- 01 Bồn chứa nước nhãn hiệu SONHA, loại 1000L, mua mới năm 2016 có giá trị còn lại là 400.000 đồng.

- 01 Máy bơm nước mua mới năm 2018. Giá trị còn lại là 375.000đ.

- 01 Tủ lạnh Panasonic 02 cánh, loại 152L, mua mới năm 2019. Giá trị còn lại là 900.000 đồng.

- 01 Tivi LG 49 in, mua mới năm 2019. Giá trị còn lại là 1.600.000đ.

- 01 bộ bàn ghế xoan (01 ghế dài, 02 ghế ngắn, 01 bàn kính), đóng mới năm 2018. Giá trị còn lại là 1.500.000 đồng.

- 01 cục trầm (loa) được cho mới năm 2018. Tại thời điểm thẩm định và định giá theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC thì tài sản có giá trị là 0 đồng.

Giá trị tài sản vật dụng sinh hoạt trong gia đình anh Triệu Văn L được chia sử dụng là **17.107.000đ**.

Tổng giá trị tài sản chị Nguyễn Thị H được phân chia là **134.501.365đ**.

Tổng giá trị tài sản anh Triệu Văn L được phân chia là **110.640.693đ**.

3.3. Về việc tính tiền chênh lệch giá trị tài sản:

Do nguyên đơn chị Nguyễn Thị H không yêu cầu tính tiền chênh lệch giá trị tài sản đối với việc phân chia quyền sử dụng đất và các tài sản trên đất đối với thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 tại thôn 2 T, xã X, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang và việc phân chia các tài sản là vật dụng sinh hoạt trong gia đình mà chỉ yêu cầu tính tiền chênh lệch đối với 03 loại tài sản, gồm: 02 diện tích đất rừng sản xuất và tài sản trên đất tại thôn 2 T và thôn 2 X và 400 cây Keo trồng trên đất của ông Triệu Ngọc X, bà Phòng Thị N.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị không tính tiền chênh lệch giá trị tài sản khi phân chia thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 tại thôn 2 T cùng các tài sản có trên thửa đất và khi phân chia các tài sản là vật dụng sinh hoạt trong gia đình của nguyên đơn không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn (bị đơn được chia hưởng phần giá trị tài sản lớn hơn) nên chấp nhận.

Đối với tài sản là giá trị quyền sử dụng của thửa đất số 02, tờ bản đồ số 00 tại khu đồi Tát Thoong thuộc thôn 2 T, xã X mặc dù có nguồn gốc do bố mẹ đẻ anh Triệu Văn L tặng cho nhưng tại thời điểm tặng cho vào năm 2006 ông Triệu Ngọc X, bà Phòng Thị N không có giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng đất. Quá trình sử dụng anh L, chị H mới làm thủ tục kê khai, được cấp quyền sử dụng và trồng các cây Keo trên đất. Do vậy Hội đồng xét xử đánh giá anh L và chị H có công sức đóng góp ngang nhau trong việc hình thành nên tài sản trên nên chia cho mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản; đối với 400 cây Keo trồng trên 1.803,6m² đất rừng sản xuất mượn của ông Triệu Ngọc X và 7.421,7m² đất rừng sản xuất cùng 700 cây Keo tại thôn 2 X là tài sản được hình thành trong thời kỳ hôn nhân do anh L và chị H cùng có công sức đóng góp nên cần chia cho anh L và chị H mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là phù hợp. Để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần tính chênh lệch tài sản của 03 loại tài sản trên, cụ thể: Chị H được chia

sở hữu, sử dụng diện tích đất và tài sản trên đất tại thôn 2 X có trị giá là 97.140.400đ; anh Triệu Văn L được chia sở hữu, sử dụng diện tích đất rừng sản xuất và tài sản trên đất + 400 cây Keo trồng trên đất của ông Triệu Ngọc X, bà Phòng Thị N, có tổng giá trị là 50.461.600 + 10.160.000đ = 60.621.600đ. Như vậy, phần tài sản chị Nguyễn Thị H được hưởng chênh lệch, lớn hơn với phần tài sản anh Triệu Văn L được hưởng là 36.518.800đ. Do vậy, chị H có nghĩa vụ thanh toán $\frac{1}{2}$ tiền chênh lệch tài sản cho anh Triệu Văn L là 36.518.800đ : 2 = 18.259.400đ.

[4] Về chi phí tố tụng:

Đối với khoản tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã tạm nộp để chi trả là 17.468.924đ (*Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm hai mươi tư đồng*), do cả nguyên đơn và bị đơn đều được chia tài sản chung nên đều phải chịu tiền chi phí tố tụng. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ số tiền chi phí tố tụng. Xét thấy việc nguyên đơn tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ tiền chi phí tố tụng không ảnh hưởng đến quyền lợi của bị đơn và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 157 và khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự nên cần buộc mỗi bên phải chịu $\frac{1}{2}$ tiền chi phí tố tụng là 17.468.924đ : 2 = 8.734.462đ (*Tám triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng*). Do Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng để chi trả toàn bộ khoản tiền trên nên bị đơn anh Triệu Văn L có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 8.734.462đ (*Tám triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng*).

[5] Về án phí và quyền kháng cáo bản án:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Triệu Văn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản mình được phân chia theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 157, 165, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H về việc chia tài sản sau ly hôn với anh Triệu Văn L.

1. Chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn L như sau:

1.1. Chị Nguyễn Thị H được sở hữu, quản lý, sử dụng những tài sản trong thời kỳ hôn nhân sau:

- Phần diện tích đất ký hiệu S2 = 296,6m², bao gồm 70m² đất ở và 226,6m² đất trồng cây lâu năm khác thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu số BX255320, ngày 19/12/2017 mang tên Triệu Văn L và Nguyễn Thị H, địa chỉ đất tại thôn 2 T,

xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Đất được giới hạn bởi các điểm 1 – 2 – 3 – 15 – 16 – 11 – 12 – 13 – 14 – 1 (trong đó có 34,4m² đất thuộc hàng lang giao thông). Diện tích đất có giá trị: 22.097.000đ. Hủy bỏ một phần Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản số 04/QĐ-CCTHADS ngày 30/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang đối với 296,6m² đất phân chia cho chị Nguyễn Thị H.

Chị Nguyễn Thị H được quyền sở hữu, quản lý các tài sản gắn liền với 296,6m² đất thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 được phân chia, gồm:

Vật kiến trúc:

+ Nhà bán mái, tường xây gạch lợp tôn, xây dựng năm 2018 diện tích 13,6m², giá trị: 13,6m² x 948.000đ/m² x 66,65% x (giá trị còn lại) x hệ số 1,04 = 8.936.773đ.

+ Công trình phụ trợ, kết cấu bằng gỗ lợp lá cọ, xây dựng năm 2006 (nhà bếp) có diện tích 7m², giá trị: 7m² x 242.500đ/m² x 5% (giá trị còn lại) x hệ số 1,04 = 88.270đ.

+ 01 Giếng nước xây dựng năm 2006 có giá trị 249.288đ.

+ 01 Nhà tắm xây dựng năm 2006 có giá trị 58.959đ.

+ 01 đoạn tường rào xây gạch xi măng vào năm 2014, diện tích 8,45m², giá trị: 8,45m² x 228.352đ/m² x 10% (giá trị còn lại) x hệ số 1,04 = 200.675đ.

Cây trồng:

+ 08 cây Bưởi có đường kính tán lá từ 2m đến dưới 4m, giá trị: 08 cây x 353.000đ/cây = 2.824.000đ.

+ 01 cây Mít có đường kính thân từ 15cm đến dưới 30cm, có giá trị 255.000đ.

+ 01 cây Sung có đường kính thân từ 20cm đến dưới 30cm có giá trị 61.000đ.

+ 01 cây Hồng Xiêm có đường kính thân từ 02cm đến dưới 09cm, có giá trị 120.000đ.

+ 01 cây Chanh có đường kính tán lá dưới 03m, giá trị 100.000đ.

+ 02 cây Ngõa có đường kính thân từ 06cm đến dưới 10cm có giá trị: 02 cây x 60.000đ/cây = 120.000đ.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và các vật kiến trúc, cây trồng trên phần diện tích đất 296,6m² thuộc thửa số 01, tờ bản đồ số 00 chia cho chị Nguyễn Thị H quản lý, sử dụng là 35.110.965đ.

- 7.421,7m² đất rừng sản xuất tại khu vực đồi Cốc Có thuộc thôn 2 X, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang do chị H, anh L nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Phòng Văn M và bà La Thị V vào năm 2020 (đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Đất có giá trị 89.060.400đ. Trên đất có 700 cây Keo có giá trị 8.080.000đ. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 97.140.400đ.

- 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 22Y1 – 028.81 đăng ký xe mang tên Triệu Văn L.

- 01 Tủ nhựa loại 03 cánh, 04 ngăn kéo, đóng thủ công mua mới năm 2019. Giá trị còn lại là 1.050.000 đ.

- 01 Tủ gỗ xoan, rộng 0,96m x cao 2,32m, mua mới năm 2018. Giá trị còn lại là 1.200.000đ.

Tổng giá trị tài sản chị Nguyễn Thị H được phân chia là 134.501.365đ (*Một trăm ba mươi tư triệu năm trăm linh một nghìn ba trăm sáu mươi lăm đồng*). Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ thanh toán cho anh Triệu Văn L 18.259.400đ (*Mười tám triệu hai trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm đồng*) tiền chênh lệch giá trị tài sản. Phần giá trị tài sản thực tế chị Nguyễn Thị H được hưởng là $134.501.365đ - 18.259.400đ = 116.241.900đ$ (*Một trăm mười sáu triệu hai trăm bốn mươi một nghìn chín trăm đồng*) (làm tròn số).

1.2. Anh Triệu Văn L được sở hữu, quản lý, sử dụng những tài sản trong thời kỳ hôn nhân sau:

- Phần diện tích đất ký hiệu S1 = 364,2m², bao gồm 70m² đất ở và 294,2m² đất trồng cây lâu năm khác thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu số BX255320, ngày 19/12/2017 mang tên Triệu Văn L và Nguyễn Thị H, địa chỉ đất tại thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Đất được giới hạn bởi các điểm 3 – 4 – 5 – 6 – 7 – 8 – 9 – 10 – 11 – 16 – 15 – 3 (trong đó bao gồm 40,8m² đất thuộc hành lang an toàn giao thông). Đất có giá trị 25.139.000đ.

Anh Triệu Văn L được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gắn liền với 364,2m² đất được phân chia, gồm:

Vật kiến trúc:

+ 01 nhà bán mái xây gạch, mái lợp Phi broximang, xây dựng năm 2013, diện tích 16,1m² có giá trị 2.236.603đ.

+ 01 nhà cột gỗ vách toocxi, xây dựng năm 2006, diện tích 58,8m² có giá trị 3.373.171đ.

+ Công trình phụ trợ (nhà bếp), xây dựng năm 2006, diện tích 12,6m² có giá trị 158.886đ.

+ 7,345m² tường rào xây bằng gạch xi măng vào năm 2014 có giá trị 174.433đ.

Cây trồng:

+ 01 cây Mít có đường kính thân từ 02cm đến dưới 08 cm có giá trị 45.000đ; 01 cây Mít có đường kính thân từ 15cm đến dưới 30cm có giá trị 255.000đ.

+ 01 cây Nhãn có đường kính thân từ 08cm đến 15cm có giá 810.000đ.

+ 02 cây Hồng Xiêm có đường kính thân từ 02cm đến dưới 09cm, có giá trị: 120.000đ/cây x 02 cây = 240.000đ.

+ 01 cây Bưởi có đường kính tán từ 4m đến dưới 5m có giá 480.000đ.

Tổng giá trị quyền sử dụng đất và các vật kiến trúc, cây trồng trên diện tích 364,2m² chia cho anh Triệu Văn L là 32.912.093đ.

- 3.742,3m² đất rừng sản xuất thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 00 đã được UBND huyện Hàm Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BX255212, sổ vào sổ cấp Giấy chứng nhận CH02508, ngày 31/10/2017 mang tên anh Triệu Văn L và chị Nguyễn Thị H. Địa chỉ đất tại khu đồi Tát Thoong – thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Đất là có giá trị 48.661.600đ. Tài sản

trên đất gồm 300 cây Keo có giá trị 1.800.000đ. Tổng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là 50.461.600đ.

- 400 cây Keo có đường kính thân từ 10cm đến dưới 20cm trồng trên diện tích 1.803,6m² đất rừng sản xuất mượn của ông Triệu Ngọc X và bà Phòng Thị N tại khu vực đồi Tát Thoong - thôn 2 T, xã X, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, các cây Keo có giá trị là 10.160.000đ. Anh Triệu Văn L có nghĩa vụ khai thác, di dời các cây Keo để trả lại đất cho ông Triệu Ngọc X, bà Phòng Thị N sử dụng. Thời hạn khai thác, di dời cây chậm nhất là ngày 31/12/2023.

- Tài sản vật dụng sinh hoạt trong gia đình gồm:

+ 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA, dung tích 125cc, biển kiểm soát 22Y1 – 140.06 đăng ký xe mang tên Nguyễn Thị H, hiện tại do anh Triệu Văn L đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Giá trị còn lại của tài sản là 12.332.000đ

+ 01 Máy giặt nhãn hiệu Aqua loại 8kg mua mới năm 2017. Giá trị tài sản là 0 đồng (theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC, ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính).

+ 01 Máy lọc nước nhãn hiệu PIKN, trọng tải 2,2kg. Giá trị tài sản là 0 đồng (theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC, ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính).

+ 01 Bồn chứa nước nhãn hiệu SONHA, loại 1000L, mua mới năm 2016 có giá trị còn lại là 400.000 đồng.

+ 01 Máy bơm nước mua mới năm 2018. Giá trị còn lại là 375.000đ.

+ 01 Tủ lạnh Panasonic 02 cánh, loại 152L, mua mới năm 2019. Giá trị còn lại là 900.000 đồng.

+ 01 Tivi LG 49 in, mua mới năm 2019. Giá trị còn lại là 1.600.000đ.

+ 01 bộ bàn ghế xoan (01 ghế dài, 02 ghế ngắn, 01 bàn kính), đóng mới năm 2018. Giá trị còn lại là 1.500.000 đồng.

+ 01 cục trầm (loa) được cho mới năm 2018. Giá trị tài sản là 0 đồng (theo quy định tại Thông tư số 45/2018/TT-BTC, ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính).

Giá trị tài sản vật dụng sinh hoạt trong gia đình anh Triệu Văn L được chia sử dụng là 17.107.000đ.

Giá trị các tài sản anh Triệu Văn L được phân chia là 110.640.693đ (*Một trăm mười triệu sáu trăm bốn mươi nghìn sáu trăm chín mươi ba đồng*). Anh Triệu Văn L được nhận 18.259.400đ (*Mười tám triệu hai trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm đồng*) tiền chênh lệch giá trị tài sản do chị Nguyễn Thị H thanh toán. Tổng giá trị tài sản anh Triệu Văn L được hưởng là 110.640.693đ + 18.259.400đ = 128.900.000đ (*Một trăm hai mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng*) (làm tròn số).

Các diện tích đất phân chia cho chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn L có sơ đồ đo vẽ kèm theo và không tách rời Bản án. Chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn L được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc kê khai, đăng ký đối với phần đất mình được phân chia theo quy định của luật Đất đai.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên có trách nhiệm thực hiện việc thay đổi việc áp dụng Quyết định về việc tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản số 04/QĐ – CCTHADS, ngày 30/5/2022 đối với các phần diện tích đất phân chia cho chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn L thuộc thửa đất số 01, tờ bản đồ số 00, đã được UBND huyện Hàm

Yên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ký hiệu số BX255320, ngày 19/12/2017 mang tên Triệu Văn L và Nguyễn Thị H, địa chỉ đất tại thôn 2 T, xã X, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Khoản tiền chênh lệch giá trị tài sản phải trả kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án anh Triệu Văn L cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án chị Nguyễn Thị H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí tố tụng:

Chị Nguyễn Thị H và anh Triệu Văn L mỗi người phải chịu 8.734.462đ (Tám triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng), tổng cộng là 17.468.924đ (Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm hai mươi tư đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Ghi nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền chi phí tố tụng 17.468.924đ (Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm hai mươi tư đồng). Buộc anh Triệu Văn L có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Nguyễn Thị H 8.734.462đ (Tám triệu bảy trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm sáu mươi hai đồng) tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Khoản tiền chi phí tố tụng phải trả kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án chị Nguyễn Thị H cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, nếu người phải thi hành án anh Triệu Văn L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 5.812.000đ (Năm triệu tám trăm mười hai nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp là 2.475.000đ (Hai triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005798, ngày 04/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Số tiền án phí chị Nguyễn Thị H còn phải nộp tiếp là 3.337.000đ (Ba triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- Bị đơn anh Triệu Văn L phải chịu 6.445.000đ (Sáu triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

4. Về quyền kháng cáo:

- Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Yên được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

- Bị đơn anh Triệu Văn L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Triệu Ngọc X, Phòng Thị N, Phòng Văn M, La Thị V được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Hữu San